

Biểu số: 14a/TP/TTTM
 Ban hành theo Thông tư số
 17/2025/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo (BC):
 BC sơ bộ năm: Ngày 10 tháng
 11 năm báo cáo
 BC tròn năm: Ngày 10 tháng
 01 năm sau

SỐ TỔ CHỨC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC TRỌNG TÀI (Sơ bộ năm/tròn năm)
 Kỳ báo cáo:.....
 (Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:
 Trung tâm trọng tài /Chi nhánh,
 Văn phòng đại diện của tổ chức
 trọng tài nước ngoài tại Việt Nam...
Đơn vị nhận báo cáo: Sở Tư
 pháp...

Số Chi nhánh của Trung tâm trọng tài (Chi nhánh)	Số Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài (Văn phòng)	Số trọng tài viên (Người)	Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm kỳ trước chuyển sang) (Vụ việc)	Kết quả giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (Vụ việc)			Tổng giá trị tranh chấp của các vụ việc đã có phán quyết trọng tài/hòa giải thành (Đồng)	Tổng số phí trọng tài và các khoản thu hợp pháp khác (Đồng)	Tổng số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (Đồng)
				Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài /hòa giải thành		Số vụ việc chưa có phán quyết trọng tài/hòa giải thành/số vụ việc bị đình chỉ			
				Tổng số	Trong đó: Số phán quyết trọng tài bị tòa án hủy				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

- Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam không phải ghi các cột (1), (2)
 * **Ghi chú:**

..., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 14a/TP/TTTM
(Tổ chức và kết quả hoạt động của tổ chức trọng tài)

1. Khái niệm, phương pháp tính

- Biểu mẫu số 14a/TP/TTTM phản ánh tình hình tổ chức và hoạt động trọng tài của tổ chức trọng tài thương mại trong kỳ báo cáo (năm) được sử dụng cho các đơn vị báo cáo gồm: Trung tâm trọng tài/Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

- Trọng tài viên là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 20 Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12.

- Chi nhánh/Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trọng tài do Trung tâm trọng tài đăng ký thành lập.

- Chi nhánh/Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam được thành lập theo quy định tại Luật số 54/2010/QH12.

- Số vụ việc đã tiếp nhận là số vụ việc mà Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam đã được các bên lựa chọn để giải quyết tranh chấp (bao gồm cả số vụ việc tiếp nhận trong kỳ và số vụ việc đang giải quyết của kỳ trước chuyển sang).

- Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài/hòa giải thành: Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài là số vụ việc đã được Hội đồng trọng tài giải quyết và ra phán quyết trọng tài; số vụ việc hòa giải thành là số vụ việc được Hội đồng trọng tài tiến hành hòa giải và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên theo quy định tại Điều 58 Luật số 54/2010/QH12.

- Số vụ việc chưa có phán quyết trọng tài/hòa giải thành/số vụ việc bị đình chỉ: là số vụ việc mà Trung tâm trọng tài/Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam đang trong quá trình xử lý chưa có kết quả hoặc bị đình chỉ.

- Tổng giá trị tranh chấp của các vụ việc đã có phán quyết trọng tài và hòa giải thành: là tổng giá trị các vụ tranh chấp đã có phán quyết trọng tài và vụ việc hòa giải thành được thống kê từ Sổ theo dõi giải quyết tranh chấp của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài (mẫu 26/TP-TTTM của Thông tư số 12/2012/TT-BTP ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại).

- Tổng số phí trọng tài và các khoản thu hợp pháp khác: là tổng số phí trọng tài và các khoản thu hợp pháp khác của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài/Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam thu được từ hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, hòa giải và các hoạt động khác.

- Tổng số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính là số tiền tổ chức trọng tài phải nộp theo quy định pháp luật (bao gồm số tiền nộp thuế của tổ chức trọng tài và của các trọng tài viên).

2. Cách ghi biểu

- Cột (1): Ghi số Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.

- Cột (2): Ghi số Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài.

* Số liệu từ cột (3) đến cột (10) bao gồm cả số liệu tại Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài (nếu có).

- Cột (3): Ghi số trọng tài viên đăng ký tại Trung tâm trọng tài /Chi nhánh, Văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

- Cột (4): Ghi số vụ việc tiếp nhận trong kỳ báo cáo và số vụ việc đang giải quyết kỳ trước chuyển sang.

Cột (4) = cột (5) + cột (7).

- Cột (5): Ghi tổng số vụ việc đã có phán quyết trọng tài và vụ việc hòa giải thành.

Số liệu của cột (5) là một phần số liệu của cột (4) (cột (5) $\leq$ cột (4)).

- Cột (6): Ghi số phán quyết trọng tài bị tòa án hủy.

Số liệu của cột (6) là một phần số liệu của cột (5) (cột (6) $\leq$ cột (5)).

- Cột 7: Ghi số vụ việc mà Trung tâm trọng tài đã tiếp nhận nhưng đang trong quá trình xử lý chưa có kết quả hoặc bị đình chỉ.

Số liệu của cột (7) là một phần số liệu của cột (4) (cột (7) $\leq$ cột (4)).

3. Nguồn số liệu

Biểu mẫu số 14a/TP/TTTM: Từ hồ sơ, sổ sách ghi chép của tổ chức trọng tài thương mại.